

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN CHO PHÁT TRIỂN MỘT SỐ LOẠI HÌNH DU LỊCH TIỀM NĂNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

VŨ ĐÌNH CHIẾN

Tóm tắt: Để phát triển du lịch tỉnh Bình Định có tính khả thi, việc đánh giá mức độ thuận lợi của tài nguyên cho phát triển các loại hình du lịch là rất cần thiết. Vận dụng cơ sở lý luận về đánh giá tổng hợp mức độ thuận lợi của tài nguyên cho các loại hình du lịch, kết hợp phân tích tổng hợp một số nhân tố hỗ trợ, bài báo lựa chọn đánh giá cho 4 loại hình du lịch tỉnh Bình Định (tham quan, nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa). Kết quả đánh giá đã bước đầu xác định các khu vực tập trung tài nguyên, những loại tài nguyên và mức độ thuận lợi của các loại hình du lịch mang tính nổi trội theo lãnh thổ. Đây là cơ sở khoa học cho việc đề xuất định hướng không gian phát triển các loại hình du lịch nổi trội theo các tiểu vùng tỉnh Bình Định.

Từ khóa: loại hình du lịch, tài nguyên du lịch, tiểu vùng, Bình Định.

RESOURCES ASSESSMENT FOR SOME DEVELOPMENT TYPE OF POTENTIAL TOURISM OF BINH DINH PROVINCE

Abstract: A study to assess the convenience of resources for the development of different types of tourism in the province is essential to develop a feasible for tourism development in Binh Dinh province. Four types of tourism were considered, these being general visiting, relaxation tourism, ecological tourism and cultural tourism. Using the theoretical basis of synthetic assessment of the convenience of resources for these four types, with a meta-analysis of a number of complementary factors, the study evaluated prospective tourism in Binh Dinh province. The assessment results have initially determined the areas of resource concentration, the types of resources and the degree of convenience of the dominant tourism types according to the local territory. This is the scientific basis for proposing spatial orientation to develop potential and outstanding tourism types in Binh Dinh province.

Keywords: type of tourism, tourism resources, sub-region, Binh Dinh.

1. Đặt vấn đề

Đánh giá tài nguyên cho phát triển du lịch (PTDL) không chỉ là xác định mức độ thuận lợi của các tài nguyên đó đối với hoạt động du lịch, mà còn được hiểu rộng hơn là khả năng khai thác chúng cho tổ chức không gian phát triển các loại hình du lịch (LHDL) phù hợp với từng lãnh thổ cụ thể; chỉ có như vậy những đề xuất định hướng PTDL mới có cơ sở khoa học và các giải pháp đi kèm mới đảm bảo sử dụng tài nguyên du lịch (TNDL) lãnh thổ một cách hiệu quả nhất.

Có nhiều cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đánh giá tổng hợp tài nguyên cho PTDL, chẳng hạn phương pháp nghiên cứu và đánh giá trong du lịch, phân loại các LHDL của Nguyễn Minh Tuệ (2010) [5], Bùi Thị Hải Yến (2009) [1]; điều tra, đánh giá tiềm năng cho du lịch sinh thái (DLST) tại lãnh thổ cụ thể của Trương Quang Hải (2006) [7]...

TNDL cũng như nhân tố ảnh hưởng đến PTDL trong từng trường hợp có vai trò không giống nhau, do đó xác định được trọng số của

các nhân tố là rất quan trọng. Trọng số có thể xác định bằng các phương pháp khác nhau, trong đó phương pháp ma trận tam giác trọng số của tác giả Nguyễn Cao Huân (2005) [3]. Lương Chi Lan (2015) vận dụng trong đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên cho lãnh thổ du lịch tỉnh Vĩnh Phúc [2]; Nguyễn Đăng Tiến (2016) vận dụng trong đánh giá TNDL, điều kiện sinh khí hậu phục vụ PTDL khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng [4]...

Bình Định có TNDL đa dạng và hấp dẫn, có thể khai thác phát triển nhiều LHDL như: tham quan, nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa, MICE và khám phá khoa học, trải nghiệm cộng đồng, làng nghề, ẩm thực... Tuy nhiên, trong thời gian qua một số LHDL có thể mạnh phát triển còn hạn chế do sự phân hóa theo các khu vực của TNDL, sự hạn chế trong liên kết khai thác TNDL giữa các lãnh thổ trong tỉnh. Do đó, cần thiết phải đánh giá tài nguyên cho một số LHDL tiềm năng theo tiểu vùng ở Bình Định.

Sử dụng kết quả phân vùng địa lý tự nhiên cho PTDL tỉnh Bình Định với 6 tiểu vùng [10], bài báo đã đánh giá TNDL cho phát triển 4 LHDL làm cơ sở đề xuất tổ chức không gian PTDL theo các tiểu vùng. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở khoa học đáng tin cậy cho sự phát triển lâu dài của ngành du lịch Bình Định.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng số liệu khí hậu về nhiệt độ và lượng mưa của tỉnh Bình Định với chuỗi thời gian 30 năm (1986-2015); các tư liệu, số liệu về du lịch tỉnh Bình Định giai đoạn 2010-2019; kết quả phân loại sinh khí hậu (SKH) [6] và phân vùng tự nhiên phục vụ PTDL tỉnh Bình Định [10]; các tư liệu về địa lý tỉnh Bình Định [8] cũng như Quy hoạch ngành du lịch Bình Định đến năm 2030 [9].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp ma trận tam giác*: Xác định trọng số cho các chỉ tiêu trong đánh giá tổng hợp tài nguyên theo Nguyễn Cao Huân (2005) [3]. Điểm đánh giá bao gồm số điểm đánh giá riêng của từng chỉ tiêu và số điểm đánh giá tổng hợp.

Công thức xác định điểm trung bình cộng (1):

$$X = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n k_i X_i \quad (1)$$

trong đó: X : điểm trung bình cộng đánh giá; k_i : trọng số của tiêu chí thứ i ; X_i : điểm đánh giá của tiêu chí thứ i ; i : tiêu chí đánh giá ($i = 1, 2, 3, \dots, n$).

Căn cứ vào số điểm trung bình cộng để phân cấp 4 mức độ đánh giá: Rất thuận lợi (RTL), thuận lợi (TL), tương đối thuận lợi (TĐTL), ít thuận lợi (ITL) dựa trên chỉ tiêu riêng và điểm số tương ứng từ cao xuống thấp là 4, 3, 2, 1.

Các bậc được xác định bởi công thức (2):

$$\Delta X = \frac{X_{\max} - X_{\min}}{m} \quad (2)$$

trong đó: ΔX : giá trị khoảng cách điểm trong mỗi hạng; $X_{\max}$, $X_{\min}$: lần lượt là giá trị điểm đánh giá chung cao nhất, thấp nhất; m : số cấp đánh giá.

Cấp 1: $X_{\min} \leq X_1 < X_{\min} + \Delta X$; Cấp 2: $X_1 \leq X_2 < X_1 + \Delta X$; Cấp 3: $X_2 \leq X_3 < X_2 + \Delta X$; Cấp 4: $X_3 \leq X_4 < X_{\max}$

Căn cứ vào số điểm tối đa mà thang điểm đã xác định và kết quả đánh giá cụ thể của mỗi đối tượng để xác định tỷ lệ % số điểm đã đạt được so với số điểm tối đa.

- *Phương pháp khảo sát thực địa*: Tiến hành khảo sát thực địa theo các tuyến sau: Tuyến Bắc - Nam theo quốc lộ 1A, đi qua khu vực đồng bằng; Tuyến ven biển theo tỉnh lộ 639 và quốc lộ 1D; Tuyến phía Tây theo quốc lộ 19, tỉnh lộ 637.

- *Phương pháp bản đồ và hệ thống thông tin Địa lý (GIS)*: Cho phép xây dựng bản đồ thể hiện sự phân hóa không gian về mức độ thuận lợi của các LHDL theo tiểu vùng tại Bình Định (tỉ lệ 1:100.000) và được số hóa trên phần mềm Mapinfo.

Ngoài ra, nghiên cứu này sử dụng phương pháp lấy ý kiến chuyên gia, phương pháp đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho PTDL tỉnh Bình Định.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Lựa chọn hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá

Việc lựa chọn các tiêu chí, chỉ tiêu và điểm đánh giá (từ Bảng 1 đến Bảng 9) chủ yếu được vận dụng, kế thừa từ những nghiên cứu trước đây do có sự thống nhất cao trong các nghiên cứu địa lý du lịch.

Kế thừa các nghiên cứu đã có [1, 2, 4, 5] và phù hợp đặc điểm lãnh thổ, nghiên cứu đã chọn các tiêu chí, chỉ tiêu và điểm đánh giá cho 4 LHDL tại Bình Định như sau:

3.1.1. Loại hình du lịch tham quan

Đây là LHDL có tính chất tổng hợp nhằm phục vụ nhu cầu mở rộng và nâng cao vốn hiểu biết của du khách qua việc quan sát, tìm hiểu, cảm nhận về các giá trị tự nhiên và văn hóa; có 4 tiêu chí được lựa chọn cho đánh giá LHDL tham quan.

a) *Thắng cảnh*: Đây là tiêu chí mang tính tương đối và định tính. Trong đó, độ hấp dẫn của thắng cảnh là cơ sở quan trọng của tiêu chí trong đánh giá cho LHDL tham quan. Điểm và mức độ đánh giá của tiêu chí thắng cảnh được xác định tại Bảng 1.

Bảng 1. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của thắng cảnh cho du lịch tham quan

Chỉ tiêu đánh giá (đặc điểm của thắng cảnh theo tiểu vùng)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Thắng cảnh đa dạng, độc đáo, mật độ tập trung cao, có giá trị cấp quốc tế, chứa các di tích có ý nghĩa quốc gia đặc biệt	RTL	4
Thắng cảnh đa dạng, độc đáo, mật độ tập trung khá cao, có giá trị cấp quốc gia, chứa các di tích có ý nghĩa quốc gia	TL	3
Thắng cảnh đẹp, mật độ tập trung ít, có giá trị cấp tỉnh, chứa các di tích có ý nghĩa cấp tỉnh	TĐTL	2
Thắng cảnh đơn điệu và chỉ mang ý nghĩa địa phương	ITL	1

b) *Địa hình*: Những khu vực có nhiều kiểu dạng địa hình đặc biệt (ven biển, đảo...), độ dốc thấp là điều kiện thuận lợi cho triển khai hoạt

động tham quan. Điểm và mức độ đánh giá của tiêu chí địa hình tại Bình Định được xác định tại Bảng 2.

Bảng 2. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của địa hình cho du lịch tham quan

Chỉ tiêu đánh giá (đặc điểm địa hình theo tiểu vùng)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Có kiểu địa hình đặc biệt (ven bờ và đảo) với nhiều dạng địa hình có giá trị cho PTDL, độ dốc dưới 5 ⁰	RTL	4
Kiểu địa hình đồng bằng, đồi có trên 3 dạng địa hình có giá trị cho PTDL, độ dốc từ 5 ⁰ - 8 ⁰	TL	3
Kiểu địa hình núi, đồi có độ dốc từ 8 ⁰ - 15 ⁰ , có dưới 3 dạng địa hình có giá trị cho PTDL	TĐTL	2
Kiểu địa hình núi, đồi có độ dốc trên 15 ⁰ , có dưới 3 dạng địa hình có giá trị cho PTDL	ITL	1

c) *Sinh vật*: Những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tài nguyên sinh vật cho LHDL tham quan bao gồm: Hệ sinh thái (HST) phong phú,

đa dạng, độc đáo và điển hình; có loài đặc hữu, quý hiếm... Chỉ tiêu cụ thể được xác định tại Bảng 3.

Bảng 3. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của sinh vật cho du lịch tham quan

Chỉ tiêu đánh giá (các HST, khu bảo tồn, sinh vật đặc hữu hay quý hiếm)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Có kiểu HST đầm phá, hoặc rạn san hô, hoặc HST tự nhiên rừng kín thường xanh mưa ẩm, có từ 2 khu bảo tồn trở lên, có trên 5 sinh vật đặc hữu hoặc quý hiếm	RTL	4
Có kiểu HST đầm phá, hoặc rạn san hô, hoặc HST tự nhiên rừng kín thường xanh mưa ẩm, có 1- 2 khu bảo tồn, có từ 3 - 5 sinh vật đặc hữu hoặc quý hiếm	TL	3
Có kiểu HST thứ sinh, hoặc HST rừng tre nứa, các thảm cỏ, có từ 1 - 3 sinh vật đặc hữu hoặc quý hiếm	TĐTL	2
Kiểu HST nông nghiệp, hoặc đô thị, không có sinh vật đặc hữu hoặc quý hiếm	ITL	1

d) *Sinh khí hậu*: Đánh giá điều kiện SKH cho LHDL tham quan cần xác định thời gian thuận lợi (số ngày/năm) có thể triển khai hoạt động du lịch. Để xác định mức độ thuận lợi của khí hậu cho du lịch, sử dụng chỉ tiêu số ngày không mưa trong năm theo Nguyễn Minh Tuệ [5], kết quả phân loại tại Bình Định có 10 loại SKH, gồm: (1) *IA1a* - Loại SKH rất nóng (nhiệt độ TB năm trên 24⁰C), mưa rất nhiều (trên 2500 mm/năm), nóng quanh năm; (2) *IB1b* - Loại SKH rất nóng, mưa vừa (từ 2500 mm – 1900 mm/năm), nóng quanh năm; (3) *IB1c* - Loại SKH rất nóng, mưa vừa, nóng quanh năm; (4) *IC1b* - Loại SKH rất

nóng, ít mưa (dưới 1900 mm), nóng quanh năm; (5) *IC1c* - Loại SKH rất nóng, ít mưa, nóng quanh năm; (6) *IIB1b* - Loại SKH nóng (nhiệt độ TB năm từ 22 - 24⁰C), mưa vừa, nóng quanh năm; (7) *IIC1c* - Loại SKH nóng, ít mưa, nóng quanh năm; (8) *IIIB1b* - Loại SKH hơi nóng (nhiệt độ TB năm từ 20 - 22⁰C), mưa vừa, nóng quanh năm; (9) *IVA2a* - Loại SKH mát (nhiệt độ TB năm dưới 20⁰C), mưa rất nhiều, mùa lạnh rất ngắn; và (10) *IVB2b* - Loại SKH mát, mưa vừa, mùa lạnh rất ngắn [6].

Điểm đánh giá và mức đánh giá cụ thể được xác định tại Bảng 4.

Bảng 4. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của tiêu chí SKH cho du lịch tham quan

Chỉ tiêu đánh giá (% diện tích các loại SKH, số ngày triển khai tốt hoạt động DL)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Các loại SKH IIC1c, IC1c chiếm trên 50% diện tích; Trên 250 ngày không mưa, không có gió Tây khô nóng	RTL	4
Các loại SKH IVB2b, IIIB1b, IIB1b, IC1b, IB1c chiếm trên 50% diện tích; Từ 200 đến dưới 250 ngày không mưa, không có gió Tây khô nóng	TL	3
Các loại SKH IB1b, IVA2a chiếm trên 50% diện tích; Dưới 200 ngày không mưa, có gió Tây khô nóng dưới 40 ngày	TĐTL	2
Các loại SKH IA1a chiếm trên 50% diện tích; Dưới 200 ngày không mưa, có gió Tây khô nóng ≥ 40 ngày	ITL	1

3.1.2. Loại hình du lịch nghỉ dưỡng

Du lịch nghỉ dưỡng phục vụ du khách có nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn nhằm phục hồi sức khỏe, chữa bệnh, tái tạo sức lao động. Những khu vực

có điều kiện khí hậu mát mẻ, trong lành, có các bãi tắm, nguồn nước khoáng nóng, hồ nước, núi có cảnh quan thiên nhiên đẹp và bình yên là địa bàn tốt cho LHDL này [5, 1]. Căn cứ vào thực

trạng TNDL Bình Định, nghiên cứu lựa chọn 5 tiêu chí đánh giá.

a) *Sinh khí hậu*: Điều kiện SKH có ảnh hưởng rất lớn đến LHDL nghỉ dưỡng. Từ kết

quả mức độ thuận lợi của 10 loại SKH tại Bình Định [6], điểm và mức độ đánh giá của tiêu chí SKH cho LHDL nghỉ dưỡng được xác định tại Bảng 5.

Bảng 5. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của tiêu chí SKH cho du lịch nghỉ dưỡng

Chỉ tiêu đánh giá (% diện tích các loại SKH theo tiểu vùng)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Các loại SKH IIC1c, IVB2b chiếm trên 50% diện tích	RTL	4
Các loại SKH IB1c, IC1b, IC1c, IIB1b, IIB1b, IVA2a chiếm trên 50% diện tích	TL	3
Các loại SKH IB1b chiếm trên 50% diện tích	TĐTL	2
Các loại SKH IA1a chiếm trên 50% diện tích	ITL	1

b) *Bãi biển*: Nghỉ dưỡng kết hợp với tắm biển tại các địa điểm có bãi tắm là LHDL mang tính đặc thù. Điều kiện tốt nhất cho một bãi tắm là: đặc điểm của bãi tắm (độ rộng, độ thoải, độ nông), nhiệt độ không khí, số giờ nắng, tốc độ

gió, độ cao sóng, nhiệt độ nước biển, dòng chảy [7]. Dựa vào thực trạng các bãi biển tại Bình Định, chỉ tiêu đánh giá cụ thể tiêu chí bãi tắm được xác định tại Bảng 6.

Bảng 6. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của bãi tắm cho du lịch nghỉ dưỡng

Chỉ tiêu đánh giá (thành phần vật chất, chiều dài, bề rộng, hình thái bãi tắm)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Có thành phần cát mịn, chiều rộng trên 50 m, chiều dài trên 5 km, bờ biển thoải	RTL	4
Có thành phần cát khá mịn, chiều rộng từ 30 - 50 m, chiều dài từ 2 - 5 km, bờ biển tương đối thoải	TL	3
Có thành phần cát bùn, sỏi, chiều rộng từ 20 - 30 m, chiều dài từ 1 - 2 km, bờ biển khá dốc	TĐTL	2
Có thành phần cát bùn hoặc cuội sỏi, chiều rộng dưới 20 m, chiều dài dưới 1 km, bờ biển dốc	ITL	1

Theo kết quả phân tích tài liệu [8] và khảo sát thực địa, các trị số về nhiệt độ nước biển, độ mặn, sóng, tốc độ dòng chảy, thủy triều ở khu vực dải ven biển Bình Định ít phân hóa, khá tương đồng và đều thuận lợi cho nghỉ dưỡng, tắm biển.

c) *Nước khoáng nóng*: Kết quả phân tích tài liệu [8, 9] và khảo sát thực địa cho thấy, các suối

khoáng nóng có nhiều công dụng trong chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Để đánh giá tiêu chí khoáng nóng cho du lịch nghỉ dưỡng tại Bình Định, bài báo kế thừa và vận dụng một số chỉ tiêu từ các nghiên cứu [1, 5]. Các tiêu chí như: đặc điểm, công dụng, số điểm xuất lộ của nguồn nước được đem vào đánh giá (Bảng 7).

Bảng 7. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của nước khoáng cho du lịch nghỉ dưỡng

Chỉ tiêu đánh giá (đặc điểm, công dụng nguồn nước)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Có nhiệt độ trên 70°C, có từ 2 yếu tố đặc hiệu trở lên (Si, F), có thể chữa nhiều loại bệnh, an dưỡng, có trên 2 điểm xuất lộ	RTL	4
Có nhiệt độ từ 40°C - 70°C, có từ 1 - 2 yếu tố đặc hiệu (Si, F), có tác dụng chữa bệnh, an dưỡng, có 2 điểm xuất lộ	TL	3
Có nhiệt độ từ 30°C - 40°C, có 1 yếu tố đặc hiệu (Si hoặc F), ít có tác dụng chữa bệnh, an dưỡng, có 1 điểm xuất lộ	TĐTL	2
Có nhiệt độ dưới 30°C, có 1 yếu tố đặc hiệu (Si hoặc F), tác dụng chữa bệnh ít, có 1 điểm xuất lộ	ITL	1

d) *Địa hình và thắng cảnh*: Các chỉ tiêu, mức độ và điểm đánh giá được sử dụng như đối với LHDL tham quan.

3.1.3. Loại hình du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái là LHDL dựa vào cảnh quan thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá và có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường.

Ngoài các yếu tố như tính đa dạng sinh học cao, khí hậu thuận lợi, địa hình có cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn... tại những địa điểm còn lưu giữ các giá trị văn hóa cộng đồng đặc sắc cũng là

yếu tố đóng vai trò quan trọng của DLST. Các chỉ tiêu, mức độ đánh giá và điểm của các tiêu chí như: sinh vật, SKH, địa hình cho khai thác loại hình DLST có thể sử dụng kết quả đánh giá từ LHDL tham quan.

3.1.4. Loại hình du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa là LHDL dựa trên cơ sở khai thác các giá trị của Di sản văn hóa (DSVH) và Di tích; Có 3 tiêu chí đánh giá.

a) *Di sản văn hóa vật thể*: thường được đánh giá dựa vào số lượng, giá trị, sự phân bố (Bảng 8).

Bảng 8. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của DSVH vật thể cho du lịch văn hóa

Chỉ tiêu đánh giá (mật độ và số di tích được xếp hạng theo tiểu vùng)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
Mật độ di tích dày đặc, có trên 15 di tích xếp hạng quốc gia hoặc 1 - 2 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt	RTL	4
Mật độ di tích trung bình, có ít nhất 4 di tích xếp hạng quốc gia hoặc có 1 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt và phân bố tập trung	TL	3
Mật độ di tích thưa, có từ 2- 4 di tích được xếp hạng quốc gia	TĐTL	2
Mật độ di tích rất thưa, có dưới 2 di tích xếp hạng quốc gia	ITL	1

b) *Di sản văn hóa phi vật thể*: Trong không gian văn hóa của Bình Định còn một số loại hình DSVH phi vật thể có thể khai thác phục vụ

PTDL. Điểm và mức độ đánh giá của tiêu chí DSVH phi vật thể được xác định như Bảng 9.

Bảng 9. Chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi của DSVH phi vật thể cho du lịch văn hóa

Chỉ tiêu đánh giá (tính đặc sắc, độc đáo, đa dạng và cấp xếp hạng)	Mức đánh giá	Điểm đánh giá
DSVH phi vật thể đặc sắc, độc đáo và đa dạng về loại hình, trong đó có loại hình được xếp hạng quốc gia hoặc gắn với di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, di sản thế giới	RTL	4
DSVH phi vật thể đặc sắc, độc đáo, đa dạng về loại hình, được xếp hạng quốc gia và mang ý nghĩa liên vùng	TL	3
Đa dạng về loại hình DSVH phi vật thể, mang ý nghĩa vùng	TĐTL	2
Chỉ có loại hình DSVH phi vật thể mang ý nghĩa địa phương	ITL	1

c) *Sinh khí hậu*: Sử dụng kết quả đánh giá đối với LHDL tham quan, nghỉ dưỡng.

3.2. Đánh giá tài nguyên cho phát triển các loại hình du lịch

Mỗi tiểu vùng tại Bình Định có những đặc điểm nổi bật về TNDL và những khó khăn [10]:

- Tiểu vùng đồi núi An Lão - Vĩnh Thạnh - Hoài Ân (TV1): Đặc điểm nổi bật của TV1 về TNDL là cảnh quan đồi núi, thác, suối, khí hậu mát và SKH thuận lợi, HST rừng nguyên sinh còn nhiều, đặc trưng văn hóa đồng bào Bana, H're. Tuy nhiên, hiện nay TV1 chưa phát huy hiệu quả trong khai thác TNDL do các điểm tài

nguyên nằm khá xa nhau, điều kiện địa hình và thiên tai phức tạp, yếu tố hỗ trợ cho khai thác còn hạn chế (hạ tầng du lịch, nguồn nhân lực, kết hợp tài nguyên...).

- Tiểu vùng đồi núi Tây Sơn - Vân Canh (TV2): Khu vực TV2 có một số cảnh quan thiên nhiên khá hấp dẫn, SKH khá thuận lợi, gần với các điểm du lịch tiêu biểu của tỉnh, gần TP.Quy Nhơn. Khó khăn chủ yếu là TNDL phân tán, ít hấp dẫn, điều kiện khai thác và liên kết phát triển du lịch có nhiều điểm tương tự như TV1 (nhất là về ĐKTN).

- Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía bắc (TV3): Có lợi thế là các cảnh quan đầm phá, hạ lưu sông gắn liền với cảnh quan văn hóa đồng bằng, SKH thuận lợi. Do một số điểm tài nguyên còn nằm xa trung tâm, mức độ đầu tư hạ tầng du lịch còn hạn chế... nên khó khăn cho liên kết khai thác TNDL.

- Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía nam (TV4): Điểm nổi bật về TNDL là các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phong trào Tây Sơn và tháp Chăm, SKH thuận lợi. Tuy nhiên, một số TNDL có thể mạnh ở đây chưa được đầu tư phù hợp hoặc khai thác chưa hiệu quả. Nhiều TNDL văn hóa bị xuống cấp. Tình trạng lũ, ngập lụt là những hạn chế cho khai thác TNDL của tiểu vùng.

- Tiểu vùng ven biển phía bắc (TV5): Điểm nổi bật về TNDL là có nhiều cảnh quan thiên nhiên còn hoang sơ gắn với dải ven bờ, SKH thuận lợi. Ngoài tác động bất lợi của tính mùa vụ và biến đổi khí hậu, các LHDL ở đây chưa hình thành rõ nét, yếu tố hỗ trợ khai thác TNDL còn thiếu và yếu.

- Tiểu vùng ven biển phía nam (TV6): Tiểu vùng sở hữu nhiều bãi biển đẹp; cảnh quan rất hấp dẫn, nhiều đảo có giá trị khai thác du lịch, SKH thuận lợi, các yếu tố hỗ trợ rất thuận lợi cho PTDL (trung tâm TP.Quy Nhơn). Tuy nhiên, TV6 chịu tác động bất lợi về tính mùa vụ và biến đổi khí hậu, HST biển bị tác động mạnh bởi hoạt động du lịch, ô nhiễm môi trường biển và hiện tượng quá tải tại một số điểm du lịch biển.

Với các tiêu chí đã lựa chọn, dựa vào thống kê tài liệu [9] và thực địa, kết quả đánh giá cho 4 LHDL cụ thể tại các tiểu vùng trên lãnh thổ Bình Định như sau:

- *Loại hình du lịch tham quan*: Trọng số của các yếu tố thể hiện ở Bảng 10. Kết quả đánh giá dựa trên kết quả số điểm của từng tiêu chí và điểm trung bình cộng theo công thức (1) và phân cấp đánh giá theo công thức (2), phân chia mức độ thuận lợi, kết quả 4 mức đánh giá cho LHDL tham quan các tiểu vùng như Bảng 10.

Bảng 10. Kết quả đánh giá tổng hợp cho phát triển du lịch tham quan

Tiểu vùng	Tiêu chí				Điểm TB	Mức đánh giá
	Thắng cảnh	Địa hình	Sinh vật	SKH		
	0,37*	0,27*	0,18*	0,18*		
TV1	3	1	4	3	2,64	TĐTL
TV2	3	1	2	3	2,28	ITL
TV3	3	4	3	3	3,27	RTL
TV4	3	4	2	2	2,91	TL
TV5	3	3	3	3	3,00	TL
TV6	4	3	3	2	3,19	RTL

Ghi chú * là các trọng số đánh giá được xác định theo phương pháp ma trận tam giác

- *Loại hình du lịch nghỉ dưỡng*: Tương tự cách đánh giá cho LHDL tham quan, kết quả 4 mức đánh giá cho LHDL nghỉ dưỡng các tiểu vùng như sau: Mức RTL có TV4, TV5; TL có TV6; TĐTL có TV1, TV3; ITL có TV2.

- *Loại hình du lịch sinh thái*: Áp dụng cách đánh giá cho LHDL tham quan, kết quả 4 mức đánh giá cho LHDL sinh thái các tiểu vùng như sau: Mức RTL có TV3, TV5; TL có TV1, TV4, TV6; ITL có TV2.

- *Loại hình du lịch văn hóa*: Tương tự cách đánh giá cho 3 LHDL trên, kết quả 4 mức đánh giá cho LHDL văn hóa như sau: Mức RTL có TV4; TL có TV6; TĐTL có TV3; ITL có TV1, TV2 và TV5.

3.3. Đánh giá tổng hợp và định hướng không gian phát triển du lịch tỉnh Bình Định

Các tiêu chí để phân chia tiểu vùng tại Bình Định là sự đồng nhất tương đối của một kiểu địa hình (khu vực núi, khu vực đồi, dạng đồng bằng, kiểu đầm phá, dải ven biển...) trên một nền nhiệt ẩm đặc trưng (khí hậu vùng đồi núi/mưa nhiều, ít; khí hậu ven biển phía bắc và phía nam Bình Định...).

Qua kết quả phân vùng [10], đã cung cấp đầy đủ những thông tin cơ bản về đặc điểm tự nhiên, TNDL của các tiểu vùng. Dựa vào kết quả phân vùng cho mục đích du lịch [10], đã xác định 6 tiểu vùng cần đánh giá cho 4 LHDL tại Bình Định. Mỗi LHDL được đánh giá và cho điểm của từng tiêu chí theo các mức và chỉ tiêu đã xác định. Điểm tổng hợp được xác định dựa vào công thức (1) và phân cấp 4 mức theo công thức (2), kết quả đánh giá tổng hợp mức độ thuận lợi của 4 LHDL theo các tiểu vùng được trình bày trên Hình 1.

Tiểu vùng đồi núi An Lão - Vĩnh Thạnh - Hoài Ân (TV1) có LHDL nổi trội: DLST; tham quan (rừng nguyên sinh, cảnh quan núi, hồ, thác nước); văn hóa. Điểm du lịch tiêu biểu: Khu bảo tồn thiên

nhiên An Toàn, hồ Vĩnh Sơn, hồ Định Bình...

Tiểu vùng đồi núi Tây Sơn - Vân Canh (TV2) có LHDL nổi trội: tham quan (hồ, thác nước); DLST. Điểm du lịch tiêu biểu: thắng cảnh Hàm Hồ, hồ Núi Một, Đền tế trời.

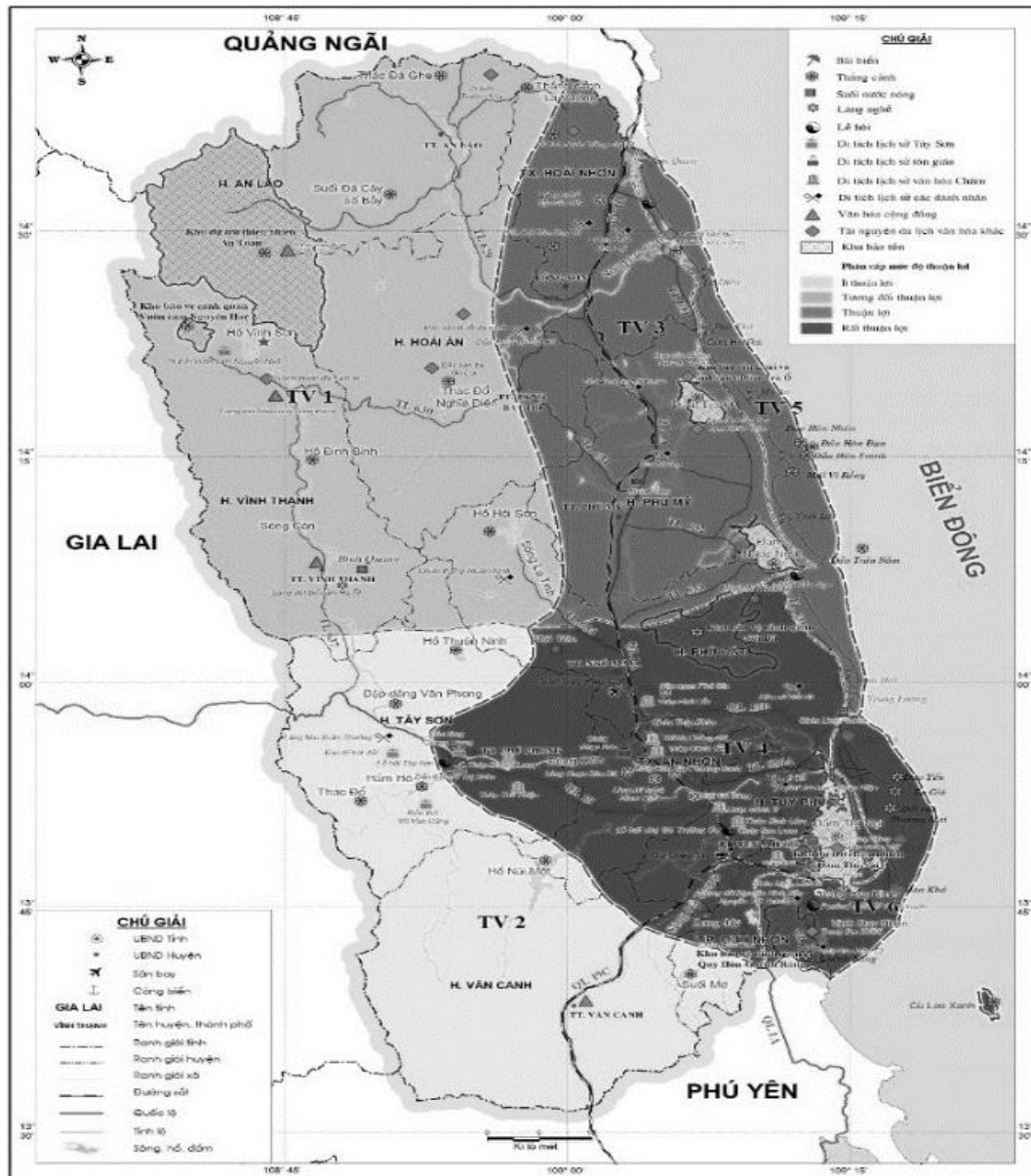
Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía bắc (TV3) có LHDL nổi trội: DLST (đầm phá); tham quan (làng nghề). Điểm du lịch tiêu biểu: Trà Ô, Tam Quan...

Tiểu vùng đồng bằng, đầm phá phía nam (TV4) có LHDL nổi trội: văn hóa (phong trào Tây Sơn, tháp Chăm, võ cổ truyền, lễ hội); DLST; tham quan (thắng cảnh, trải nghiệm làng nghề); nghỉ dưỡng (chữa bệnh suối khoáng nóng). Điểm du lịch tiêu biểu: Bảo tàng Quang Trung, tháp Bánh Ít, đầm Thị Nại, suối khoáng nóng Hội Vân, làng nghề rượu Bàu Đá và nón ngựa Phú Gia.

Tiểu vùng ven biển phía bắc (TV5) có LHDL nổi trội: nghỉ dưỡng biển; tham quan tự nhiên (thắng cảnh biển). Điểm du lịch tiêu biểu: biển Lộ Diêu, Tam Quan, Cát Tiên, Tân Phụng, Vĩnh Hội và mũi Vi Rồng...

Tiểu vùng ven biển phía nam (TV6) có LHDL nổi trội: nghỉ dưỡng biển - đảo; tham quan (thắng cảnh ven biển - đảo, công trình đương đại); văn hóa (tháp Chăm, biểu diễn nghệ thuật), MICE. Điểm du lịch tiêu biểu: trung tâm Quy Nhơn, Nhơn Lý, Trung Lương, đầm Thị Nại...

Từ sự phân bố TNDL, LHDL, điểm du lịch, yếu tố hỗ trợ, định hướng hệ thống tuyến - điểm du lịch tỉnh Bình Định có thể tổ chức gồm: tuyến nội tỉnh (tại các tiểu vùng; kết nối các tiểu vùng) và tuyến du lịch ngoại tỉnh (từ trung tâm Quy Nhơn kết nối với các tuyến điểm để khai thác TNDL cùng các địa phương ngoại tỉnh dựa trên trục giao thông Bắc - Nam qua các cung đường nổi tiếng như: Con đường Di sản miền Trung; Con đường xanh Tây Nguyên; Con đường du lịch Biển và Hoa).



Hình 1. Bản đồ đánh giá tài nguyên tỉnh Bình Định phục vụ phát triển 4 LHDL

4. Kết luận

Trên cơ sở xác định các chỉ tiêu đánh giá tài nguyên cho khai thác 4 LHDL, bài báo đề xuất định hướng không gian PTDL tỉnh Bình Định gắn với nguồn TNDL chủ yếu, LHDL nổi trội, điểm du lịch tiêu biểu.

TV1 phát triển LHDL sinh thái, tham quan, văn hóa (khu bảo tồn An Toàn, hồ Vĩnh Sơn và Định Bình, La Vương); TV2 phát triển LHDL tham quan, sinh thái (Hầm Hô, hồ Núi Một, Đền tế trời); TV3 phát triển LHDL sinh thái, tham quan và trải nghiệm làng nghề (Trà Ô, Tam

Quan); TV4 phát triển LHDL văn hóa, sinh thái, tham quan trải nghiệm làng nghề, nghỉ dưỡng chữa bệnh (Bảo tàng Quang Trung, tháp Bánh Ít, đầm Thị Nại, làng nghề rượu Bàu Đá, suối khoáng nóng Hội Vân); TV5 phát triển LHDL nghỉ dưỡng, tắm biển, giải trí biển, tham quan (Lộ Diêu, Tam Quan, Tân Phụng, Vi Rồng...); TV6 phát triển LHDL nghỉ dưỡng biển - đảo, tham quan, văn hóa, MICE (trung tâm Quy Nhơn, Nhơn Lý, Trung Lương, Cù Lao Xanh, đầm Thị Nại...). Đồng thời triển khai liên kết phát triển các tuyến du lịch nội tỉnh và các tuyến du lịch liên tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thị Hải Yến (2009) chủ biên, *Tài nguyên du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [2] Lương Chi Lan (2015), *Đánh giá điều kiện địa lý và tài nguyên phục vụ tổ chức lãnh thổ du lịch tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận án TS Quản lý Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà Nội.
- [3] Nguyễn Cao Huân (2005), *Đánh giá cảnh quan theo tiếp cận kinh tế sinh thái*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đăng Tiến (2016), *Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch, điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch bền vững khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng*, Luận án TS Địa lý, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Minh Tuệ (2010) chủ biên, *Địa lý du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [6] Nguyễn Khanh Vân, Vũ Đình Chiến, Vương Văn Vũ (2019), *Thành lập bản đồ sinh khí hậu du lịch tỉnh Bình Định*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế, tập 128, số 4A/2019, tr. 35-49.
- [7] Trương Quang Hải và nnk (2006), *Điều tra và đánh giá tiềm năng lãnh thổ phục vụ quy hoạch phát triển du lịch sinh thái tỉnh Quảng Trị*, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội.
- [8] UBND Tỉnh Bình Định (2005), *Địa chí Bình Định*, Nxb Tổng hợp.
- [9] UBND tỉnh Bình Định (2016), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- [10] Vũ Đình Chiến (2020), *Phân vùng địa lý tự nhiên phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Định*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Natural Sciences, 2020, Volume 65, Issue 3, pp. 182-192.

Thông tin tác giả:

Vũ Đình Chiến, Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Cao đẳng Bình Định
Địa chỉ liên hệ: Số 684 Hùng Vương, Quy Nhơn, Bình Định
Email: vudinhchien.qtkd@gmail.com; Điện thoại: 0905.334.399

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 11/2/2021
Biên tập: 05/2021

Đính chính

1. Bổ sung thông tin bài báo số 1 năm 2019 (trang 3):

“Đánh giá các yếu tố áp lực – thực trạng – đáp ứng (PSR) trong sử dụng tài nguyên đất tại huyện Thanh Sơn và Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ” của nhóm tác giả: **Ngô Quang Dự, Nguyễn An Thịnh, Nguyễn Thế Kiên, Trần Thùy Linh** là sản phẩm của đề tài khoa học có mã số: **CTDT.39.18/16-20**.

2. Bổ sung thông tin bài báo số 2 năm 2019 (trang 45):

“Ứng dụng mô hình SEM đánh giá mức độ hài lòng của người dân về công tác đất đai tại huyện Thanh Sơn và Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ” của nhóm tác giả: **Nguyễn Thế Kiên, Nguyễn Diệu Trinh, Ngô Quang Dự, Đinh Quốc Cường** là sản phẩm của đề tài khoa học có mã số: **CTDT.39.18/16-20**